

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07-5-2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Bảy.

2. Ông: Bùi Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Đức Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2020/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Cao Thị Thu V, sinh năm 1993

Trú tại: Tổ 2, khu Đ, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Phạm Văn L, sinh năm 1995.

Trú tại: Tổ 2, khu Đ, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao thị Thu V trình bày:

Chị và anh Phạm Văn L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND thị trấn M (nay là phường M), thị xã Đ, tỉnh

Quảng Ninh. Sau thời gian chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 5 năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L không có công việc ổn định, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời và có sử dụng ma túy đá, cần sa. Do bị anh L đánh đập nhiều lần nên ngay trong năm 2016, chị đã mang con về nhà mẹ đẻ để ở. Kể từ đó đến nay, anh chị ly thân, mỗi người sống một nơi. Nay thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không thể hàn gắn và chung sống với nhau được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con tên Phạm Gia B, sinh ngày 10/5/2016. Hiện nay cháu B đang ở cùng chị nên chị có nguyện vọng nuôi cháu B và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Phạm Văn L không đến Tòa án để làm việc.

Theo kết quả xác minh tại gia đình và địa phương, bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của anh Phạm Văn L cho biết:

Anh Phạm Văn L và chị Cao Thị Thu V có hộ khẩu thường trú tại Tổ 2, khu Đ, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Anh chị kết hôn vào năm 2016 tại UBND thị trấn M. Quá trình chung sống có xảy ra xô sát và chị V đã đưa con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh L làm bảo vệ không thường xuyên có mặt tại nhà. Anh L biết việc chị V làm đơn ly hôn vì giấy tờ Tòa án triệu tập anh L đến Tòa án làm việc bà đều nhận và thông báo trực tiếp cho anh L.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán cơ bản đã thực hiện đúng quy định tại Điều 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Tuy nhiên, Tòa án còn thiếu sót trong việc giao văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát đã yêu cầu khắc phục. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa:

[1]*Về quan hệ tranh chấp:* chị Cao Thị Thu V có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Phạm Văn L và được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đây là vụ án “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình*” theo quy định tại khoản

1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]*Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo đúng trình tự và thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tại phiên tòa, chị Cao Thị Thu V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Phạm Văn L vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]*Về tình cảm*: Chị Cao Thị Thu V và anh Phạm Văn L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND thị trấn M (nay là phường M), thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Sau thời gian chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 5 năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời và có hành vi bạo lực gia đình. Anh chị đã ly thân từ năm 2016. Như vậy, thực tế cuộc hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng mà không thể hàn gắn được, mục đích chung sống không đạt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn L là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[4]*Về con chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Cao Thị Thu V đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Mặt khác, hiện tại cháu Phạm Gia B đang sinh sống cùng chị V từ lúc mới sinh. Để đảm bảo việc sinh hoạt không bị xáo trộn, đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển về thể chất và tinh thần của cháu Phạm Gia B. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Phạm Gia B cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ quy định tại điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5]*Về tài sản chung*: không có.

[6]*Về nợ chung*: không có.

[7]*Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đối với việc nuôi con chung sau ly hôn*: anh Phạm Văn L thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định tại Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[8]*Về án phí*: chị Cao Thị Thu V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ

luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị Thu V về việc ly hôn.

1. Về tình cảm: chị Cao Thị Thu V được ly hôn với anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: chị Cao Thị Thu V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Gia B, sinh ngày 10/5/2016 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) kể từ tháng 5 năm 2021. Anh Phạm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: chị Cao Thị Thu V phải chịu 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

(*Chị V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000233, ngày 07/10/2020 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều*).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Bình